



BẢNG GHI TÊN, GHI ĐIỂM THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2014
 (Ngạch Chuyên viên - Phòng thi số 01)

STT	SỐ BÁO DANH	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Chuyên môn (chuyên ngành đào tạo)	Dự tuyển vào cơ quan	Mã ngạch	Lĩnh vực đăng ký dự thi	Miễn thi (nếu có)		Ngoại ngữ đăng ký thi	Điện ưu tiên (nếu có)	Điểm thi tuyển										Ghi chú
											Ngoại ngữ	Tin học			Điểm môn nghiệp vụ Chuyên ngành						Điểm môn kiến thức chung (Hệ số 1)	Điểm Tổng cộng			
															Trắc nghiệm (Hệ số 1)	Viết (Hệ số 1)	Viết (Hệ số 2)	(18)=(17)*2	(19)	(20) = (13)+(16)+(18)+(19)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)=(17)*2	(19)	(20) = (13)+(16)+(18)+(19)	(21)					
1	CV001B	Trần Lê Ngọc Thục	Anh	12/01/1992	Diên Khánh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			80,50	96,00	76,00	19,00	38,00	57,50	171,50			
2	CV002B	Nguyễn Thị Vân	Anh	30/06/1991	Nghĩa Đàn - Nghệ An	Đại học	Kế toán	Chi cục Nuôi trồng TS	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng				
3	CV003B	Trần Thanh	Bình	25/01/1990	Vạn Ninh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	UBND huyện Vạn Ninh	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			50,00	76,00	76,00	26,00	52,00	59,00	187,00			
4	CV004B	Nguyễn Đình	Chung	01/06/1989	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			50,00	76,00	92,00	86,00	172,00	84,00	348,00			
5	CV005B	Lê Ngọc Thủy	Chung	27/05/1992	MĐrăk - Đăklăk	Đại học	Kế toán	Chi cục Bảo vệ TV	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			58,50	80,00	100,00	51,50	103,00	63,00	266,00			
6	CV006B	Nguyễn Bảo Huy	Đảng	05/04/1992	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			70,50	88,00	68,00	Vắng	Vắng	21,50				
7	CV007B	Võ Đình	Danh	18/11/1990	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng				
8	CV008B	Đình Nghĩa	Danh	01/10/1988	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng				
9	CV009B	Tạ Thị Thủy	Dung	06/04/1985	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Ban Dân tộc	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn	Con bệnh binh	20,00	74,00	72,00	72,00	56,50	113,00	76,00	281,00			
10	CV010B	Trần Lê Thủy	Dương	07/11/1988	Ninh Hòa - Khánh Hòa	Đại học	kinh tế học	UBND TP Nha Trang	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			90,00	96,00	60,00	3,00	6,00	79,00	145,00			
11	CV011B	Trương Nhật	Duy	01/05/1991	Cam Lâm - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			70,00	84,00	76,00	15,00	30,00	41,50	147,50			
12	CV012B	Đỗ Thị Hạnh	Duyên	07/12/1992	Diên Khánh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng				
13	CV013B	Huỳnh Thị	Gắm	12/11/1988	Vạn Ninh - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Ban Dân tộc	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			48,00	80,00	84,00	21,00	42,00	31,00	157,00			
14	CV014B	Trần Thị Quỳnh	Giao	16/01/1990	Cam Ranh - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Nông nghiệp - PTNT	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng				
15	CV015B	Huỳnh Thị Hoàng	Giao	11/03/1990	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			69,00	76,00	92,00	84,50	169,00	86,00	347,00			
16	CV016B	Lương Như	Giáp	20/01/1985	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	kinh tế	UBND TP Nha Trang	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn	Con bệnh binh	20,00	89,00	76,00	100,00	64,00	128,00	68,50	316,50			

STT	SỐ BÁO DANH	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Chuyên môn (chuyên ngành đào tạo)	Dự tuyển vào cơ quan	Mã ngành	Lĩnh vực đăng ký dự thi	Miễn thi (nếu có)		Ngoại ngữ đăng ký thi	Diện ưu tiên (nếu có)	Điểm thi tuyển							Ghi chú	
											Ngoại ngữ	Tin học			Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm môn Ngoại ngữ	Điểm môn Tin học	Điểm môn nghiệp vụ Chuyên ngành			Điểm môn kiến thức chung (Hệ số 1)		Điểm Tổng cộng
																		Trắc nghiệm (Hệ số 1)	Viết (Hệ số 1)	Viết (Hệ số 2)			
17	CV017B	Thái Hữu	Hà	30/08/1991	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Chi cục Nuôi trồng TS	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		68,00	60,00	96,00	26,00	52,00	26,00	174,00		
18	CV018B	Nguyễn Thị Thu	Hà	22/12/1981	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	VP UBND tỉnh	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		87,50	96,00	100,00	85,00	170,00	61,50	331,50		
19	CV019B	Hoàng Thị Thu	Hà	10/02/1975	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Chi cục PC TNXH	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		59,00	88,00	100,00	45,00	90,00	50,00	240,00		
20	CV020B	Đàm Thị Thanh	Hà	23/02/1991	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		54,00	68,00	100,00	12,00	24,00	28,00	152,00		
21	CV021B	Trần Thị Vy	Hạ	26/11/1982	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán-Kiểm toán	UBND TP Nha Trang	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		96,50	84,00	92,00	57,00	114,00	54,00	260,00		
22	CV022B	Võ Thị Thanh	Hằng	21/10/1992	Diên Khánh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
23	CV023B	Phạm Thị Cẩm	Hằng	11/08/1985	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở VH TT & DL	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
24	CV024B	Lê Thị Thanh	Hằng	10/02/1986	Diên Khánh - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Chi cục Bảo vệ TV	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		53,00	88,00	76,00	8,00	16,00	38,00	130,00		
25	CV025B	Đặng Thị Như	Hằng	20/10/1984	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		81,00	92,00	84,00	19,00	38,00	41,50	163,50		
26	CV026B	Võ Thị Thúy	Hạnh	19/10/1986	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Nông nghiệp - PTNT	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		68,00	92,00	84,00	53,00	106,00	66,00	256,00		
27	CV027B	Trần Thị Hiếu	Hạnh	27/12/1992	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
28	CV028B	Nguyễn Phan Hồng	Hạnh	26/01/1991	Từ Nghĩa - Quảng Ngãi	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
29	CV029B	Đặng Thị	Hạnh	30/05/1991	Cam Ranh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		82,00	92,00	80,00	15,00	30,00	25,00	135,00		
30	CV030B	Chu Thị Mỹ	Hạnh	19/04/1986	Cam Ranh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn	Con thương binh	20,00	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
31	CV031B	Chu Mỹ	Hạnh	20/11/1985	Tân Bình - TP.Hồ Chí Minh	Thạc sỹ	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn	Con thương binh	20,00	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
32	CV032B	Trương Lê Xuân	Hào	09/02/1991	Ninh Hòa - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		69,50	84,00	68,00	15,50	31,00	27,50	126,50		
33	CV033B	Trương Thị Ánh	Hiền	25/05/1985	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Chi cục Nuôi trồng TS	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		77,00	84,00	100,00	77,00	154,00	66,00	320,00		
34	CV034B	Nguyễn Phan Lan	Hiền	11/08/1991	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
35	CV035B	Chu Mỹ	Hiền	09/03/1983	Tân Bình - TP.Hồ Chí Minh	Đại học	Kế toán	Chi cục Bảo vệ TV	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn	Con thương binh	20,00	33,00	72,00	96,00	22,50	45,00	53,50	214,50	
36	CV036B	Trần Lê Thảo	Hiếu	08/11/1981	Diên Khánh - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Nông nghiệp - PTNT	01.003	Tài chính-Kế toán		Miễn	Anh văn		70,00	Miễn	96,00	30,50	61,00	50,00	207,00		

